

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2022/DS-PT

Ngày: 29 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Chị Nguyễn Thị Lan Anh**

Các Thẩm phán: **Anh Trương Chí Anh**
Chị Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: **Chị Đinh Thị Thu Hương** - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: **Anh Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị NTC1**, sinh năm 1976. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Lại Thượng, xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

Bị đơn: **Chị NTTH2**, sinh năm 1976. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Long Phú, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của bị đơn là chị NTTH2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của chị NTC1 ngày 09/06/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 17/11/2011, chị NTTH2 có vay của chị NTC1 số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), khi vay các bên có thỏa thuận thời hạn vay

từ ngày 17/11/2011 đến ngày 17/12/2012, không thỏa thuận về lãi suất, việc vay tiền được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của hai bên.

Từ khi vay mỗi tháng chị H2 trả chị C1 từ một đến hai triệu đồng, đã 10 năm chị H2 mới trả được cho chị C1 tổng số tiền 124.500.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), số còn lại chị H2 vẫn chưa thanh toán trả mặc dù chị C1 cũng có nhiều lần yêu cầu trả nốt nhưng chị H2 vẫn tiếp tục xin khất. Đến nay, chị C1 làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai yêu cầu giải quyết buộc chị NTTH2 phải thanh toán trả cho chị số tiền gốc là 175.500.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc còn lại.

Bị đơn chị NTTH2 trình chị:

Chị và chị C1 là bạn bè, trước đây chị và chồng cũ của chị là anh Nguyễn Đức Hải có vay của anh Khuê chồng chị C1 số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), khi vay cả hai vợ chồng cùng ký vào bên vay lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, chị đã trả lãi cho anh Khuê được nhiều năm, khi vay chị có đưa sổ đỏ cho anh Khuê cầm sau đó chị có trả được một số tiền thì anh Khuê đã trả sổ đỏ cho vợ chồng chị. Quá trình trả nợ cả gốc và lãi chỉ đưa tiền và nói miệng với nhau chứ chị không có sổ sách ghi chép để xuất trình cho tòa án, theo chị giấy vay tiền ngày 17/11/2011 chị C1 khởi kiện tại tòa án là giấy viết lại của giấy nhận nợ cũ.

Chị cũng không biết việc chị C1 khởi kiện chị tại Tòa án có đúng hay không, tuy nhiên chị thừa nhận còn nợ chị C1 số tiền 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và nhận trách nhiệm mỗi tháng sẽ trả chị C1 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) nếu chị C1 rút đơn khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, chị H2 đề nghị tòa án không báo gọi chồng cũ và không đưa vào tham gia tố tụng vì chồng chị mắc bệnh tim nặng và đã ly hôn từ năm 2005.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/03/2022, chị H2 thay đổi lời khai chị không biết chữ ký giấy nhận nợ chị C1 khởi kiện tại Tòa án có phải chữ ký của chị hay không vì chị thay đổi chữ ký liên tục nhưng chị không đề nghị tòa án giám định chữ ký của chị, theo chị thì chồng cũ của chị là anh Nguyễn Đức Hải phải có trách nhiệm cùng chị giải quyết việc vay nợ của chị C1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán trả số nợ 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi từ khi chị H2 không tiếp tục trả nợ là tháng 6/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/ năm.

- Bị đơn chị H2 đề nghị chỉ nhận trách nhiệm trả nợ chị C1 số tiền 25.500.000đ, trả dần mỗi tháng một triệu đồng, số nợ còn lại 150.000.000đ đề nghị tòa buộc anh Hải chồng cũ của chị phải trả, tuy nhiên chị cũng không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc anh Hải có liên quan đến việc vay nợ này.

Tại bản án số 28/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 09/06/2021 của chị NTC1.

Buộc chị NTTH2 có nghĩa vụ trả cho chị NTC1 số tiền vay là 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 17.499.600đ (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng), tổng cộng là 192.999.600đ (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị NTTH2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét một cách khách quan và toàn diện vụ án, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau để giải quyết vụ án: Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và đồng ý trả số nợ này nhưng đề nghị được trả dần cho chị C1 mỗi tháng 1.000.000đ số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị NTTH2 trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị NTTH2, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- *Về số tiền vay*: Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/11/2011 thể hiện chị NTTH2 có vay của chị NTC1 số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 17/11/2011 đến ngày 17/12/2012, không thỏa thuận về lãi suất, có chữ ký xác nhận của chị C1 và chị H2. Chị H2 mới trả được 124.500.000đ còn nợ số tiền còn lại là 175.500.000đ.

- *Về Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/11/2011*: chị H2 cho rằng Giấy này là do chị C1 tự viết lại và đưa chị buộc chị ký để lại trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị cho chị. Giấy biên nhận vay tiền này là do xuất phát từ khoản nợ của chị và anh Hải trước đây, tuy nhiên chị không có bất kỳ giấy tờ sổ sách nào về khoản nợ trước đây cùng anh Hải để xuất trình. Quá trình giải quyết vụ án, chị H2 cũng thừa nhận có vay của chị C1 số tiền trên và chị đã trả được rất nhiều tiền lãi và một phần tiền gốc nhưng do quan hệ bạn bè nên khi trả chỉ nói miệng với nhau không sổ sách ký nhận và chị H2 cũng thừa nhận còn nợ chị C1 số tiền 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), chỉ đồng ý trả cho chị C1 mỗi tháng 1.000.000đ nhưng chị C1 không đồng ý.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị C1 là có căn cứ.

Chị H2 cho rằng quá trình từ năm 2009-2011, chị đã trả chị C1 số tiền 648.000.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét để tính trừ vào số tiền đã trả cho chị C1. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, ngoài lời khai này ra chị H2 không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện số tiền 648.000.000đ liên quan đến việc chị đã trả cho chị C1 để trừ vào số tiền đã vay chị C1. Mặt khác, theo Giấy biên nhận vay tiền thể hiện là ngày 17/11/2011 vay số tiền 300.000.000đ thì không liên quan đến thời điểm chị H2 trả số tiền 648.000.000đ cho chị C1 từ năm 2009-2011 được.

Về việc chị H2 chỉ nhận trách nhiệm trả chị C1 25.500.000đ và trả dần dần mỗi tháng một triệu đồng, số còn lại 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) chị đề nghị anh Hải là chồng cũ của chị phải trả vì chị cũng có hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi con ăn học.

Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị H2 liên tục thay đổi lời khai nhưng lại không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để xuất trình chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/11/2011 không có chữ ký của anh Hải, theo trích lục ly hôn anh Hải và chị H2 đã ly hôn từ năm 2005. Mặt khác, anh Hải và mẹ đẻ anh là chị Ngô Thị Bình khẳng định anh

Hải không liên quan đến việc vay nợ giữa chị H2 với chị C1 vì anh Hải và chị H2 đã ly hôn năm 2005 vì sức khỏe anh Hải yếu và bị bệnh tim nặng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản vay riêng của chị H2 vì thời điểm vay chị H2 đã ly hôn anh Hải nên chị H2 phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 175.500.000đ cho chị C1 là chỉ của cá nhân chị H2 là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H2.

- *Về lãi suất:* Khi giao dịch, các bên không thỏa thuận mức lãi suất vay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị C1 yêu cầu tính lãi suất từ khi chị H2 không tiếp tục trả nợ là tháng 6/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10% /năm của số tiền 175.500.000đ nợ gốc còn lại. HĐXX phúc thẩm thấy rằng mức lãi suất này của nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở. Cụ thể mức lãi suất 10% /năm của số tiền 175.500.000đ là $175.500.000đ \times 0,833 = 1.458.300đ/tháng \times 12 tháng = 17.499.600đ$. là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận..

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị NTTH2 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 21/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị NTC1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị NTTH2 phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho chị NTC1 và phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, 38, 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị NTTH2.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 21/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:
 - 2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 09/06/2021 của chị NTC1.

Buộc chị NTTH2 có nghĩa vụ trả cho chị NTC1 số tiền vay là 175.500.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 17.499.600đ (Mười bảy

triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng), tổng cộng là 192.999.600đ (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng)

2.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị NTTH2 phải chịu 9.650.000 đồng (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Trả lại chị NTC1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.375.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000140 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Chị NTTH2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000340 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOÀ PHIÊN TOÀ